

THE CURRENT STATUS OF EXPOSURE TO INFORMATION ON HEALTH WARNINGS ABOUT ELECTRONIC CIGARETTES AMONG FIRST-YEAR STUDENTS AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN 2024 AND ASSOCIATED FACTORS

Nguyen Van Vinh^{1*}, Ha Thi Thu Linh¹, Hoang Thi Thu Huong³, Nguyen Thi Ha³, Nguyen Thanh Van³,
Nguyen Chi Nam², Tran Anh Huy¹, Pham Dang Linh², Bui The Quang¹

¹Hanoi Medical University - 1 Ton That Tung, Kim Lien ward, Ha Noi, Vietnam

²Vietnam Tobacco Control Fund, Ministry of Health - 273 Kim Ma, Giang Vo ward, Ha Noi, Vietnam

³Vinmec Times City International General Hospital - 458 Minh Khai, Vinh Tuy ward, Ha Noi, Vietnam

Received: 23/9/2025

Revised: 10/11/2025; Accepted: 17/11/2025

ABSTRACT

Objectives: To describe the current situation of exposure to information on the harmful effects of e-cigarettes among first-year students at Hanoi Medical University in 2024 and some related factors.

Subjects and methods: A cross-sectional descriptive study was conducted.

Results: The study revealed that most (94.3%) first-year students at Hanoi Medical University had been exposed to information on the harmful effects of e-cigarettes, with social media being the primary channel of access. Female students were more likely to be exposed to information on the harmful effects of e-cigarettes through social media (OR = 1.8; 95% CI: 1.1-2.9) and websites (OR = 1.9; 95% CI: 1.2-2.9) compared to male students. Students who had been exposed to e-cigarette smoke in the past month were more likely to have access to information on the harmful effects of e-cigarettes via social media (OR = 1.7; 95% CI: 1.1-2.9) and websites (OR = 1.9; 95% CI: 1.3-3.1) compared to the unexposed group.

Conclusion: A very high proportion of first-year students at Hanoi Medical University have been exposed to information on the harmful effects of e-cigarettes. Factors such as gender and exposure to e-cigarette smoke within the past month significantly influence students' access to this information through social media and websites.

Keywords: Information exposure, harmful, e-cigarette.

*Corresponding author

Email: nguyenvinh15102002@gmail.com Phone: (+84) 888200208 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3851>



THỰC TRẠNG TIẾP XÚC VỚI THÔNG TIN VỀ CẢNH BÁO TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ ĐIỆN TỬ Ở SINH VIÊN NĂM NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2024 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Nguyễn Văn Vinh^{1*}, Hà Thị Thu Linh¹, Hoàng Thị Thu Hương³, Nguyễn Thị Hà³, Nguyễn Thanh Vân³, Nguyễn Chí Nam², Trần Anh Huy¹, Phạm Đăng Linh², Bùi Thế Quang¹

¹Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, phường Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

²Quỹ Phòng, chống tác hại của thuốc lá, Bộ Y tế - 273 Kim Mã, phường Giảng Võ, Hà Nội, Việt Nam

³Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City - 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 23/9/2025

Ngày chỉnh sửa: 10/11/2025; Ngày duyệt đăng: 17/11/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của thuốc lá điện tử ở sinh viên năm nhất Trường Đại học Y Hà Nội năm 2024 và một số yếu tố liên quan.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Kết quả: Nghiên cứu cho thấy hầu hết (94,3%) sinh viên năm nhất Trường Đại học Y Hà Nội đã tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của thuốc lá điện tử, mạng xã hội là kênh tiếp cận chủ yếu. Sinh viên nữ có khả năng tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của thuốc lá điện tử qua mạng xã hội (OR = 1,8; 95% KTC: 1,1-2,9) và qua trang web (OR = 1,9; 95% KTC: 1,2-2,9) cao hơn so với sinh viên nam. Nhóm sinh viên có phơi nhiễm với khói thuốc lá điện tử trong 1 tháng qua có khả năng tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của thuốc lá điện tử qua mạng xã hội (OR = 1,7; 95% KTC: 1,1-2,9) và qua trang web (OR = 1,9; 95% KTC: 1,3-3,1) cao hơn so với nhóm sinh viên không phơi nhiễm.

Kết luận: Sinh viên năm nhất Trường Đại học Y Hà Nội đã từng tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của thuốc lá điện tử chiếm tỷ lệ rất cao. Các yếu tố như giới tính, tình trạng phơi nhiễm với khói thuốc lá điện tử trong vòng 1 tháng qua có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng sinh viên tiếp cận thông tin này qua mạng xã hội và trang web.

Từ khóa: Tiếp xúc với thông tin, cảnh báo tác hại, thuốc lá điện tử.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuốc lá điện tử là thiết bị hoạt động bằng pin, tạo ra aerosol chứa nicotine, hương liệu và các hóa chất khác, được người sử dụng hít vào nhằm thay cho thuốc lá truyền thống [1]. Khác với thuốc lá điếu, thuốc lá điện tử (TLĐT) không đốt cháy sợi thuốc mà đun nóng dung dịch lỏng, tạo ra khói để người dùng

hít vào. Mặc dù thường được quảng bá như một giải pháp thay thế an toàn hơn thuốc lá truyền thống nhưng nhiều bằng chứng khoa học đã cho thấy TLĐT vẫn tiềm ẩn nguy cơ gây hại cho sức khỏe, bao gồm ảnh hưởng bất lợi tới hệ hô hấp, tim mạch và hệ thần kinh, đặc biệt ở thiếu niên và thanh niên

*Tác giả liên hệ

Email: nguyenvinh15102002@gmail.com Điện thoại: (+84) 888200208 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3851>

trẻ tuổi. Theo thống kê của Tổ chức Y tế giới, trẻ em từ 13-15 tuổi sử dụng TLĐT với tỷ lệ cao hơn người lớn ở tất cả các khu vực. Tỷ lệ người sử dụng TLĐT ở độ tuổi 16-19 tuổi đã tăng gấp đôi trong giai đoạn 2017-2022 tại Canada và ở Anh, tỷ lệ này tăng gấp 3 lần ở người trẻ trong 3 năm qua [2]. Trong bối cảnh tỷ lệ sử dụng TLĐT ngày càng gia tăng, chiến lược truyền thông về tác hại của TLĐT đang đóng vai trò quan trọng trong nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi phòng tránh. Các chiến lược này tác động làm thay đổi nhận thức và hành vi sử dụng TLĐT của thanh thiếu niên và trẻ vị thành niên [3]. Các nghiên cứu trước đây cho thấy tín hiệu tích cực về kiến thức và nhận thức của thanh thiếu niên trong việc triển khai cảnh báo tác hại [4].

Tại Việt Nam, tình hình sử dụng TLĐT đang dần trở thành một vấn đề nghiêm trọng khi tỷ lệ hút ngày càng tăng dần. Một nghiên cứu trên đối tượng thanh thiếu niên đang đi học công bố rằng: tình hình sử dụng TLĐT ở nhóm tuổi 13-15 đã tăng từ 2,6% năm 2019 lên 3,5% vào năm 2022 [5-6]. Đối với sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội, một trường đại học trong khối trường đại học sức khỏe, chúng tôi kỳ vọng đánh giá thực trạng phơi nhiễm thông tin về TLĐT, hình thức tiếp xúc và nội dung về TLĐT trên nhóm đối tượng là sinh viên năm nhất, nhóm thanh niên dễ chịu tác động từ môi trường mới, bạn bè, đối tượng bên ngoài và qua các thông tin trên mạng xã hội. Từ đó, nghiên cứu này kỳ vọng làm cơ sở giúp các nhà chuyên môn về sức khỏe đưa ra các chiến lược can thiệp kịp thời nhằm cung cấp kiến thức, cũng như nâng cao sức khỏe của cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ. Vì vậy, chúng tôi thực hiện đề tài nghiên cứu này với 2 mục tiêu: (1) Mô tả thực trạng tiếp xúc với một số thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT ở sinh viên năm nhất Trường Đại học Y Hà Nội năm 2024; (2) Xác định một số yếu tố liên quan đến thực trạng tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT ở sinh viên năm nhất Trường Đại học Y Hà Nội năm 2024.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên sinh viên năm nhất đang theo học tại Trường Đại học Y Hà Nội.

2.2. Thiết kế nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang.

2.3. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Áp dụng tính cỡ mẫu cho ước tính một tỷ lệ trong quần thể:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 p (1 - p)}{d^2}$$

Trong đó:

$Z_{1-\alpha/2}$ là hệ số giới hạn tin cậy (với $\alpha = 0,05$, có $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$);

n là cỡ mẫu nghiên cứu;

d là sai số của các tham số giữa mẫu và quần thể, chọn $d = 0,05$;

p là tỷ lệ tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT (lấy $p = 0,5$ do chưa tìm thấy nghiên cứu nào phù hợp tại Việt Nam và thế giới).

Thay vào công thức, tính được $n = 384$.

Dự trừ thêm 10%, có cỡ mẫu tối thiểu là 423. Thực tế, nghiên cứu thu thập được 457 sinh viên.

2.4. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu xây dựng bộ câu hỏi khảo sát tự điền được xây dựng dựa trên tài liệu liên quan và các nghiên cứu trước đây, sau đó điều chỉnh để phù hợp với môi trường khảo sát, gồm 3 phần: (a) Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu; (b) Thông tin về thực trạng tiếp xúc với thông tin về quảng cáo của TLĐT; (c) Một số yếu tố liên quan.

2.5. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được nhập và làm sạch bằng phần mềm Microsoft Excel.

Số liệu được phân tích bằng phần mềm STATA 15.0.

Thống kê mô tả: lập bảng, biểu đồ mô tả tần số.

Thống kê suy luận: phân tích mối tương quan được thực hiện qua phân tích hệ số tương quan OR, mô hình hồi quy; giá trị $p < 0,05$ là có ý nghĩa thống kê.

2.6. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng xét duyệt đề cương của Viện Đào tạo Y học Dự phòng và Y tế Công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội. Sinh viên tham gia nghiên cứu đều được cung cấp thông tin đầy đủ và tự nguyện ký cam kết tham gia. Thông tin của sinh viên được bảo mật và chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm cá nhân của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm cá nhân của đối tượng nghiên cứu (n = 457)

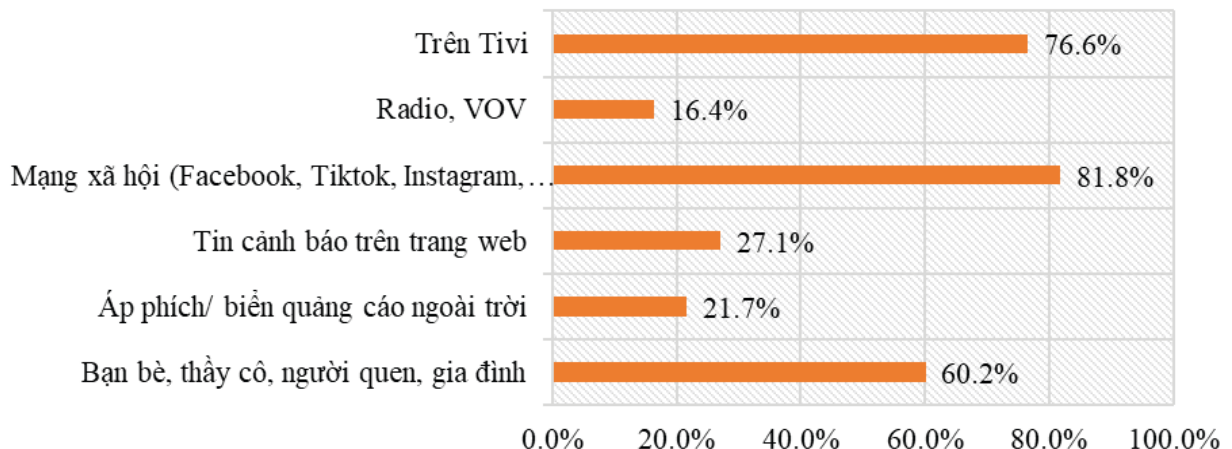
Đặc điểm		Nam (n = 179)	Nữ (n = 278)	Tổng (n = 457)
Tuổi	$\bar{X} \pm SD$	19,1 $\pm$ 0,3		
	Nhỏ nhất-lớn nhất	19,0-22,0		
Dân tộc	Khác	16 (8,9%)	24 (8,6%)	40 (8,8%)
	Kinh	163 (91,1%)	254 (91,4%)	417 (91,2%)
Quê quán	Thành thị	66 (36,9%)	100 (36,0%)	166 (36,3%)
	Nông thôn	113 (63,1%)	178 (64,0%)	291 (63,7%)
Hoàn cảnh sống	Sống cùng gia đình	63 (35,2%)	90 (32,4%)	153 (33,5%)
	Không sống cùng gia đình	116 (64,8%)	188 (67,6%)	304 (66,5%)
Có người quen sử dụng TLĐT		100 (55,9%)	126 (45,3%)	226 (49,5%)
Tình trạng phơi nhiễm với khói TLĐT trong 1 tháng qua	Có	93 (52,0%)	102 (36,7%)	195 (42,7%)
	Không	86 (48,0%)	176 (63,3%)	262 (57,3%)

Mẫu nghiên cứu bao gồm đa số đối tượng nữ (60,8%). Độ tuổi trung bình của những người tham gia là 19,1. Về mặt dân tộc, 91,2% là người Kinh. Đáng chú ý, 63,7% sinh viên có nguồn gốc từ khu vực nông thôn. 66,5% sinh viên cho biết không sống cùng gia đình. Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu có người quen sử dụng TLĐT là 49,5%; trong nhóm có người quen sử dụng TLĐT, tỷ lệ giữa nam và nữ khá đồng đều

(nam 55,9%; nữ 45,3%). Gần một nửa (42,7%) sinh viên tham gia báo cáo rằng họ có tiếp xúc với khói TLĐT trong 1 tháng qua.

3.2. Thực trạng tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT

Trong 457 sinh viên năm nhất tham gia nghiên cứu có 431 sinh viên đã từng tiếp xúc với thông tin cảnh báo tác hại của TLĐT, chiếm 94,3%.



Biểu đồ 1. Nguồn tiếp xúc với thông tin cảnh báo tác hại của TLĐT của sinh viên (n = 431)

Các nguồn tiếp xúc với thông tin cảnh báo tác hại về TLĐT của đối tượng sinh viên năm nhất khá đa dạng, trong đó họ chủ yếu tiếp xúc qua mạng xã hội (Facebook, Tiktok, Instagram, Youtube...) với 81,8%;

tiếp theo là tivi (76,6%); bạn bè, thầy cô, người quen, gia đình (60,2%). Nguồn tiếp xúc ít nhất trong các nguồn được kể đến là radio với tỷ lệ chỉ 16,4%.

3.3. Một số yếu tố liên quan

3.3.1. *Phân bố thực trạng tiếp xúc, hình thức tiếp cận thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT theo đặc điểm cá nhân*

Bảng 2. Mô tả sự khác biệt giữa thực trạng tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT qua mạng xã hội và trang web với đặc điểm cá nhân của sinh viên (n = 431)

Đặc điểm		Trang web		Mạng xã hội	
		Không	Có	Không	Có
Giới	Nam	132 (77,6%)	38 (22,4%)	32 (18,8%)	138 (81,2%)
	Nữ	175 (67,0%)	86 (33,0%)	25 (9,6%)	236 (90,4%)
Quê quán	Thành thị	102 (65,0%)	55 (35,0%)	20 (12,7%)	137 (87,3%)
	Nông thôn	205 (74,8%)	69 (25,2%)	37 (13,5%)	237 (86,5%)
Hoàn cảnh sống	Cùng gia đình	100 (67,6%)	48 (32,4%)	20 (13,5%)	128 (86,5%)
	Không sống cùng gia đình	207 (73,1%)	76 (26,9%)	37 (13,1%)	246 (86,9%)
Có người quen sử dụng TLĐT	Không	160 (74,1%)	56 (25,9%)	30 (13,9%)	186 (86,1%)
	Có	147 (68,4%)	68 (31,6%)	27 (12,6%)	188 (87,4%)
Tình trạng phơi nhiễm khói TLĐT trong 1 tháng qua	Không	188 (76,4%)	58 (23,6%)	39 (15,9%)	207 (84,1%)
	Có	119 (64,3%)	66 (35,7%)	18 (9,7%)	167 (90,3%)

Từ kết quả bảng 2 cho thấy giới tính của sinh viên có liên quan đến thực trạng tiếp xúc với cảnh báo tác hại về TLĐT qua trang web ($p = 0,023$), qua mạng xã hội ($p = 0,035$). Tình trạng phơi nhiễm với khói TLĐT trong 1 tháng qua của sinh viên có liên quan đến việc

tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT qua mạng xã hội ($p = 0,005$). Các sự khác biệt trên đều có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

3.3.2. *Một số yếu tố liên quan đến thực trạng tiếp xúc với thông tin cảnh báo tác hại về TLĐT*

Bảng 3. Mối liên quan giữa đặc điểm cá nhân và việc tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT qua mạng xã hội và trang web của sinh viên (n = 431)

Đặc điểm		Mạng xã hội		Trang web	
		OR (95% KTC)	p	OR (95% KTC)	p
Giới	Nam	1		1	
	Nữ	1,8 (1,1-2,9)	0,016	1,9 (1,2-2,9)	0,006
Quê quán	Thành thị	1		1	
	Nông thôn	1,0 (0,6-1,7)	0,963	0,7 (0,4-1,1)	0,103

Đặc điểm		Mạng xã hội		Trang web	
		OR (95% KTC)	p	OR (95% KTC)	p
Hoàn cảnh sống	Sống cùng gia đình	1		1	
	Không sống cùng gia đình	0,9 (0,5-1,6)	0,710	0,8 (0,5-1,3)	0,304
Có người quen sử dụng TLĐT	Không	1		1	
	Có	1,1 (0,7-1,9)	0,649	1,2 (0,8-1,8)	0,447
Tình trạng phơi nhiễm khói TLĐT trong 1 tháng qua	Không	1		1	
	Có	1,7 (1,1-2,9)	0,031	1,9 (1,2-2,9)	0,003

Sinh viên nữ có khả năng tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT qua mạng xã hội (OR = 1,8; 95% KTC: 1,1-2,9) và qua trang web (OR = 1,9; 95% KTC: 1,2-2,9) cao hơn so với sinh viên nam. Nhóm sinh viên có phơi nhiễm với khói TLĐT trong 1 tháng qua có khả năng tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT qua mạng xã hội (OR = 1,7; 95% KTC: 1,1-2,9) và qua trang web (OR = 1,9; 95% KTC: 1,3-3,1) cao hơn so với nhóm sinh viên không phơi nhiễm.

4. BÀN LUẬN

4.1. Thực trạng tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT ở sinh viên năm nhất Trường Đại học Y Hà Nội năm 2024

Nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng gần như toàn bộ (98%) sinh viên tham gia trả lời cho biết họ đã từng tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT. Hiện tại, chưa tìm thấy nghiên cứu nào nghiên cứu về tỷ lệ tiếp xúc thông tin về cảnh báo tác hại; tuy nhiên, từ kết quả cho thấy việc truyền thông giáo dục sức khỏe về TLĐT ngày càng được đẩy mạnh bởi những tác hại khôn lường từ nó và việc truyền thông này có liên quan trực tiếp tới tình trạng sử dụng TLĐT ngày càng gia tăng hiện nay, điều này cũng được nhận thấy ở nghiên cứu khác [7].

Nghiên cứu này chỉ ra rằng mạng xã hội là nguồn tiếp xúc phổ biến nhất với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT và radio là ít phổ biến nhất; kết quả này có sự khác biệt so với kết quả nghiên cứu trên đối tượng nam trưởng thành (từ 18 tuổi trở lên) ở Malaysia (2016), chỉ ra rằng tivi và đài phát thanh mới là nguồn tiếp xúc phổ biến [8]. Điều này có thể lí giải được bởi lẽ mạng xã hội ngày càng phát triển

và phổ cập. Nó đóng vai trò quan trọng và gần như không thể thiếu đối với mọi người, đặc biệt trong thời kì đại dịch COVID-19, mạng xã hội đã có tốc độ phát triển nhanh chóng, nổi lên như một nền tảng quan trọng để công chúng truy cập và trao đổi thông tin liên quan đến sức khỏe [9].

4.2. Mối liên quan giữa việc tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT và đặc điểm cá nhân ở sinh viên năm nhất Trường Đại học Y Hà Nội năm 2024

Nữ sinh viên có khả năng tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT qua mạng xã hội (OR = 1,8; 95% KTC: 1,1-2,9) và qua trang web (OR = 1,9; 95% KTC: 1,2-2,9) cao hơn so với nam sinh. Chúng tôi nhận thấy có thể là sinh viên nữ có nhiều khả năng sử dụng các nền tảng truyền thông xã hội hơn các bạn nam, điều này làm tăng khả năng tiếp cận nhiều thông tin cảnh báo về TLĐT hơn [10]. Hơn nữa, nữ giới thường xuyên quan tâm chăm sóc sức khỏe của bản thân hơn nam giới, nên có thể có khả năng tiếp xúc với thông tin cảnh báo cao hơn [11].

Kết quả phân tích chỉ ra rằng tình trạng phơi nhiễm với khói TLĐT trong 1 tháng qua có liên quan đến sự tiếp xúc với thông tin cảnh báo tác hại của TLĐT qua mạng xã hội (OR = 1,7; 95% KTC: 1,1-2,9) và qua trang web (OR = 1,9; 95% KTC: 1,3-3,1) cao hơn so với tình trạng không phơi nhiễm, tuy nhiên chúng tôi chưa tìm ra được nghiên cứu nào có kết quả tương tự. Có thể thấy việc tiếp xúc với khói TLĐT mà không có thông tin cảnh báo đầy đủ có thể dẫn đến sự gia tăng sử dụng, điều này đã được tìm thấy ở nghiên cứu của Lyu J.C và cộng sự [12] 75.6%. Ngược lại, nếu người dùng tiếp xúc với thông tin cảnh báo rõ ràng và thuyết phục, họ có thể giảm tần suất hoặc ngừng sử dụng.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu khảo sát trên 457 sinh viên năm nhất Trường Đại học Y Hà Nội cho thấy: sinh viên năm nhất đã từng tiếp xúc với thông tin về cảnh báo tác hại của TLĐT chiếm tỷ lệ rất cao. Các yếu tố như giới tính, tình trạng phơi nhiễm với khói TLĐT trong vòng 1 tháng qua có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng sinh viên tiếp cận thông tin này qua mạng xã hội và trang web.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] St Claire S, Gouda H, Schotte K et al. Lung health, tobacco, and related products: gaps, challenges, new threats, and suggested research. *Am J Physiol Lung Cell Mol Physiol*, 2020, 318 (5): L1004-L1007.
- [2] Urgent action needed to protect children and prevent the uptake of e-cigarettes. <https://www.who.int/news/item/14-12-2023-urgent-action-needed-to-protect-children-and-prevent-the-uptake-of-e-cigarettes>, accessed: 06/07/2024.
- [3] Margolis K.A, Donaldson E.A, Portnoy D.B et al. E-cigarette openness, curiosity, harm perceptions and advertising exposure among U.S. middle and high school students. *Prev Med*, 2018, 112, 119-125.
- [4] Avery R.J, Kalaji M, Niederdeppe J et al. Perceived threat and fear responses to e-cigarette warning label messages: Results from 16 focus groups with U.S. youth and adults. *PLoS One*, 2023, 18 (6): e0286806.
- [5] Tỷ lệ sử dụng thuốc lá điện tử trong học sinh gia tăng đáng kể. Cổng thông tin Bộ Y tế. https://moh.gov.vn/home?p_p_id=101&p_p_lifecycle=0&p_p_state=maximized&p_p_mode=view&_10struts_action=%2Fasset_publisher%2Fviewcontent&_101_type=content&_101_urlTitle=ty-le-su-dung-thuoc-la-ien-tu-trong-hoc-sinh-gia-tang-ang-ke, accessed: 06/06/2024.
- [6] Van Minh H, Long K.Q, Van Vuong D et al. Tobacco and electronic cigarette smoking among in-school adolescents in Vietnam between 2013 and 2019: prevalence and associated factors. *Global Health Action*, 2022, 15 (1): 2114616.
- [7] E-cigarette attitudes and behaviours amongst 15-30-year-olds in the UK. *Journal of Public Health*. Oxford Academic. <https://academic.oup.com/jpubhealth/article/45/4/e763/7234266?login=false>, accessed: 05/22/2024.
- [8] Wee L.H, Tee G.H, Chan C.M.H et al. The role of media and retailer message recall on Malaysian male perceptions of e-cigarette use: The 2016 national study of e-cigarettes prevalence. *INQUIRY*, 2022, 59, 00469580221079683.
- [9] Cuello-Garcia C, Pérez-Gaxiola G, Amelsvoort L. Social media can have an impact on how we manage and investigate the COVID-19 pandemic. *Journal of Clinical Epidemiology*, 2020, 127, 198-201.
- [10] Tổng quan về thanh thiếu niên. Truyền thông xã hội & Công nghệ năm 2015. Trung tâm nghiên cứu Pew. <https://www.pewresearch.org/internet/2015/04/09/teens-social-media-technology-2015/>, accessed: 05/22/2024.
- [11] Experiences with health care access, cost, and coverage: Findings from the 2022 KFF Women's Health Survey. KFF. <https://www.kff.org/womens-health-policy/report/experiences-with-health-care-access-cost-and-coverage-findings-from-the-2022-kff-womens-health-survey/>, accessed: 05/22/2024.
- [12] Lyu J.C, Huang P, Jiang N, et al. A Systematic Review of E-Cigarette Marketing Communication: Messages, Communication Channels, and Strategies. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 2022, 19 (15): 9263.

